



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

THERĪGĀTHĀPĀḶI

&

TẠNG KINH - TIỂU BỘ

TRƯỜNG LÃO NI KỆ

7. SATTAKANIPĀTO

58.

175. Musalāni gahetvāna dhaññaṃ koṭṭenti mānavā,
puttadārāni posentā dhanam vindanti mānavā.
176. Ghaṭetha¹ buddhasāsane yaṃ katvā nānutappati,
khippaṃ pādāni dhovivā ekamantaṃ nisīdatha.
177. Cittaṃ upaṭṭhapetvāna ekaggaṃ susamāhitaṃ,
paccavekkhatha saṅkhāre parato no ca attato.
178. Tassāhaṃ vacanaṃ sutvā paṭācārānusāsaniṃ,
pāde pakkhālayivāna ekamante upāvisiṃ.
179. Rattiyā purime yāme pubbajātimanussariṃ,
rattiyā majjhime yāme dibbacakkhuṃ visodhayiṃ.
180. Rattiyā pacchime yāme tamokkhandhaṃ padālayiṃ,
tevijjā atha vuṭṭhāsiṃ² katā te anusāsani.
181. Sakkaṃva devā tidasā saṅgāme aparājitā,³
purakkhatvā⁴ viharāmi⁵ tevijjamhi anāsavā ”ti.
Itthaṃ sudaṃ uttarā therī gāthāyo abhāsī ”ti.

Uttarātherīgāthā.

59.

182. Satiṃ upaṭṭhapetvāna bhikkhunī bhāvitindriyā,
paṭivijji⁶ padaṃ santaṃ saṅkhārūpasamaṃ sukhaṃ.
183. Kannu⁷ uddissa muṇḍāsī samaṇī viya dissasi,
na ca rocesi pāsaṇḍe kimidaṃ carasi momuhā.
184. Ito bahiddhā pāsaṇḍā diṭṭhiyo upanissitā,
na te dhammaṃ vijānanti na te dhammassa kovidā.
185. Atthi sakyakule jāto buddho appaṭipuggalo,
so me dhammadesesi diṭṭhinaṃ samatikkamaṃ.

¹ ghaṭatha - PTS.

² vuṭṭhāmi - Syā, PTS.

³ aparājitaṃ - Ma, Syā, PTS.

⁴ purakkhitvā - Syā, PTS.

⁵ vihassāmi - Ma; vihissāmi - PTS.

⁶ paṭivijjiṃ - Syā, PTS.

⁷ kaṃ nu - Ma; kiṃ nu - Syā; kin nu - PTS.

7. NHÓM BẢY

58.

175. “Sau khi cầm lấy những cái chày, những người thanh niên già thóc. Trong khi nuôi dưỡng các con và vợ, những người thanh niên tìm kiếm tài sản.¹

176. Cô hãy nỗ lực theo lời dạy của đức Phật, sau khi đã làm điều ấy, không phải ân hận. Hãy mau chóng rửa các bàn chân rồi ngồi xuống một bên.²

177. Sau khi đã thiết lập tâm được chuyên nhất, khéo được định tĩnh, hãy quán xét các hành là vô ngã, và không phải là tự ngã.’

178. Sau khi lắng nghe lời nói của vị ni ấy, lời chỉ dạy của Paṭācārā, tôi đã rửa sạch hai bàn chân rồi đã ngồi xuống ở một góc.

179. Vào canh thứ nhất của đêm, tôi đã nhớ lại đời sống trước đây. Vào canh giữa của đêm, tôi đã làm trong sạch Thiên nhân.

180. Vào canh cuối của đêm, tôi đã phá tan khối đồng tâm tối (vô minh).³ Có được ba Minh, tôi đã đứng lên (sau đó đi đến gặp và đã thưa rằng): ‘Các lời chỉ dạy của ni sư đã được thực hành.

181. Tôi sẽ tôn vinh và sống (với ni sư), tựa như chư Thiên cõi Ba Mươi đối với vị Trời Sakka không bị đánh bại ở chiến trường. Tôi có ba Minh, không còn lậu hoặc.”⁴

Trưởng lão ni Uttarā đã nói những lời kệ như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão ni Uttarā.

59.

182. “Sau khi đã thiết lập niệm, vị tỳ khưu ni, với các quyền đã được tu tập, đã thấu triệt vị thế An Tĩnh, sự yên lặng của các pháp hữu vi, sự an lạc.

183. ‘Liên quan đến ai mà nàng cạo đầu? Nàng được nhìn thấy giống như nữ Sa-môn. Nhưng nàng không chấp nhận các tà giáo, tại sao nàng lại ngó ngấn thực hành cái này?’

184. ‘Các tà giáo ở bên ngoài Giáo Pháp này thì nương theo các tà kiến, chúng không nhận thức được Giáo Pháp, chúng không rành rẽ về Giáo Pháp.

185. Ở dòng họ Sakya, có đức Phật, bậc không người đối thủ, đã được sanh ra. Ngài đã thuyết giảng cho tôi về Giáo Pháp có sự vượt qua hẳn các tà kiến.

¹ Câu kệ 175 giống như câu kệ 117.

² Câu kệ 176 tương tự câu kệ 13.

³ Câu kệ 179 và nửa đầu của câu kệ 180 tương tự câu kệ 120.

⁴ Câu kệ 181 tương tự câu kệ 121.

186. Dukkhaṃ dukkhasamuppādaṃ dukkhassa ca atikkamaṃ,
ariyañcaṭṭhaṅgikaṃ¹ maggaṃ dukkhūpasamagāmiṇaṃ.
187. Tassāhaṃ vacanaṃ sutvā vihariṃ sāsane ratā,
tisso vijjā anuppattā kataṃ buddhassa sāsanaṃ
188. Sabbattha vihatā nandī tamokkhandho padālito.
evaṃ jānāhi pāpima nihato tvamasi antakā ”ti.
Itthaṃ sudaṃ cālā therī gāthāyo abhāsī ”ti.

Cālātherīgāthā.

60.

189. Satimatī cakkhumatī bhikkhunī bhāvitindriyā,
paṭivijjhi² padaṃ santaṃ akāpurisasevitaṃ.
190. Kinnu jātiṃ na rocesi jāto kāmāni bhuñjati,
bhuñjāhi kāmaratiyo māhu pacchānutāpinī.
191. Jātassa maraṇaṃ hoti hatthapādānachedanaṃ,
vadhabandhapariklesaṃ³ jāto dukkhaṃ nigacchati.
192. Atthi sakyakule jāto sambuddho aparājito,
so me dhammadesesi jātiyā samatikkamaṃ.
193. Dukkhaṃ dukkhasamuppādaṃ dukkhassa ca atikkamaṃ,
ariyañcaṭṭhaṅgikaṃ maggaṃ dukkhūpasamagāmiṇaṃ.
194. Tassāhaṃ vacanaṃ sutvā vihariṃ sāsane ratā,
tisso vijjā anuppattā kataṃ buddhassa sāsanaṃ.
195. Sabbattha vihatā nandī tamokkhandho padālito,
evaṃ jānāhi pāpima nihato tvamasi antakā ”ti.
Itthaṃ sudaṃ upacālā therī gāthāyo abhāsī ”ti.

Upacālātherīgāthā.

Sattakanipāto niṭṭhito.

--ooOoo--

¹ ariyaṭṭhaṅgikaṃ - Syā, PTS.

² paṭivijjhiṃ - Ma, Syā, PTS.

³ vadhabandhaparikhepaṃ - Syā.

186. (Ngài đã thuyết giảng về) Khổ, sự sanh lên của Khổ, sự vượt qua Khổ, và Thánh Đạo tám chi phần đưa đến sự yên lặng của Khổ.’

187. Sau khi lắng nghe lời nói của vị ni ấy, được thích thú ở lời chỉ dạy, tôi đã an trú. Ba Minh đã được thành tựu, lời dạy của đức Phật đã được thực hành.

188. Sự vui thích đã được phá hủy ở tất cả các nơi. Khối đồng tâm tối (vô minh) đã được phá tan. Nay Ác Nhân, người hãy biết như thế. Nay Tử Thần, người đã bị đánh bại.”¹

Trưởng lão ni Cālā đã nói những lời kệ như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão ni Cālā.

60.

189. “Có niệm, có nhãn quan, vị tỳ khưu ni, với các quyền đã được tu tập, đã thấu triệt vị thế An Tịnh, (là pháp) không được thực hành bởi những kẻ xấu.

190. “Tại sao nàng không chấp nhận sự sanh? Người đã được sanh ra (sẽ) thọ hưởng các dục. Nàng hãy thọ hưởng các sự thích thú trong các dục, chớ có sự tiếc nuối sau này.’

191. ‘Đối với người đã được sanh ra thì có sự chết, sự chặt đứt các tay chân, sự hành quyết, sự giam cầm, và tai họa. Người đã được sanh ra đọa vào khổ đau.

192. Ở dòng họ Sakya, có đức Phật, bậc không người đối thủ, đã được sanh ra. Ngài đã thuyết giảng cho tôi về Giáo Pháp có sự vượt qua hẳn sự sanh.”²

193. (Ngài đã thuyết giảng về) Khổ, sự sanh lên của Khổ, sự vượt qua Khổ, và Thánh Đạo tám chi phần đưa đến sự yên lặng của Khổ.”³

194. Sau khi lắng nghe lời nói của vị ni ấy, được thích thú ở lời chỉ dạy, tôi đã an trú. Ba Minh đã được thành tựu, lời dạy của đức Phật đã được thực hành.”⁴

195. Sự vui thích đã được phá hủy ở tất cả các nơi. Khối đồng tâm tối (vô minh) đã được phá tan. Nay Ác Nhân, người hãy biết như thế. Nay Tử Thần, người đã bị đánh bại.”⁵

Trưởng lão ni Upacālā đã nói những lời kệ như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão ni Upacālā.

Nhóm Bảy được chấm dứt.

--ooOoo--

¹ Câu kệ 188 giống như câu kệ 59.

² Câu kệ 192 tương tự câu kệ 185.

³ Câu kệ 193 giống như câu kệ 186.

⁴ Câu kệ 194 giống như câu kệ 187.

⁵ Câu kệ 195 giống như câu kệ 59.